

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06/2024/DS-ST**
Ngày: 06-02-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Ông Danh Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham: Không gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2023/TLST-DS, ngày 15/11/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T – sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T1 – sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Lê Thanh T trình bày:

Vào ngày 28/9/2022 âm lịch ông Nguyễn Minh T1 có vay của tôi số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) với số tiền lãi thỏa thuận là 50.000đ/1.000.000đ/tháng. Khi vay có thỏa thuận sẽ trả lãi hàng tháng, nếu khi nào tôi muốn thu hồi lại vốn thì cho phía ông T1 hay trước 2 tháng. Sau khi vay ông T1 có đóng lãi cho tôi được 2 tháng bằng 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), sau đó ông T1 không có đóng lãi hay trả vốn cho tôi, tôi nhiều lần đến gặp nhưng ông T1 chỉ hẹn mà không chịu trả tiền cho tôi.

Đối với phần nợ vay này, khi cho vay do tôi và ông T1 tự thỏa thuận với nhau nên tôi nên tôi chỉ kiện một mình ông T1, số nợ trên không liên quan đến bà Nguyễn Thị Kim S vợ ông T1. Tôi không yêu cầu Tòa án đưa bà S vào giải quyết với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan trong vụ kiện.

Tại phiên tòa, ông Lê Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh T1 phải trả cho ông số tiền nợ vay là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 28/9/2022 âm lịch cho đến ngày xét xử và yêu cầu ông T1 trả đủ một lần.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 15/01/2024 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T yêu cầu tôi phải trả số tiền nợ vay là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 28/9/2022 âm lịch đến khi kết thúc vụ án thì tôi thừa nhận là tôi có vay nợ của ông T với số tiền gốc 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận mỗi tháng là 9.000.000đ (chín triệu đồng), sau khi vay tôi có đóng lãi cho ông T được 02 tháng với số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Sau đó, do tôi không có khả năng nên lãi ông T cứ cộng dồn lên hoài thành số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) gồm gốc và lãi. Khi số tiền gốc và lãi lên tới 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) thì ông T có đến gặp tôi yêu cầu ghi lại biên nhận mới thì tôi đồng ý ghi lại biên nhận mới với số nợ là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), ngày ghi biên nhận thì tôi không nhớ.

Biên nhận ngày 28/9/2022 mà ông T cung cấp cho Tòa án đúng là chữ viết của tôi nhưng do hiện tại tôi nợ nhiều người nên không còn khả năng chi trả nên tôi xin ông T không tính lãi nữa và cho tôi được trả với số vốn gốc ban đầu là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) và cho tôi xin được trả dần mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi dứt số nợ 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), còn lãi thì tôi xin ông T không tính lãi nữa vì tôi đã không còn khả năng trả lãi. Riêng đối với số tiền lãi mà tôi đã đóng cho ông T thì tôi yêu cầu được trừ lại.

Đối với phần nợ vay này, khi đi vay tôi và ông T tự thỏa thuận với nhau vợ tôi bà Nguyễn Thị Kim S không biết, số nợ trên không liên quan đến vợ tôi. Do đó, số tiền này tôi tự chịu trách nhiệm trả một mình cho ông T và tha thiết xin ông T cho tôi được trả dần mỗi tháng trả 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, ông T1 đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông T1 thừa nhận còn nợ ông T số tiền nợ vay nợ gốc là 180.000.000đ, ông T1 đồng ý trả cho ông T số tiền 180.000.000đ. Nhưng ông trình bày do hoàn cảnh của ông hiện tại khó khăn, nợ nhiều người nên ông không có khả năng trả một lần cho cho cho T nên xin ông T cho ông được trả dần hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) trả đến khi nào dứt nợ thì thôi và xin ông T không tính lãi nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên ông Lê Thanh T khởi kiện ông Nguyễn Minh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T và ông T1 thống nhất đối với số nợ trên ông T chỉ kiện một mình ông T1, số nợ trên không liên quan đến bà Nguyễn Thị Kim S vợ ông T1. Ông T và ông T1 thống nhất tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án đưa bà S vào giải quyết với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan trong vụ kiện. Do đó, Tòa án không triệu tập bà Nguyễn Thị Kim S (vợ ông T1) và không đưa bà S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện.

[2] Về nội dung: Thời gian vào ngày 28/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 23/10/2022 dương lịch), giữa ông Lê Thanh T và ông Nguyễn Minh T1 có thỏa thuận với nhau là ông T sẽ cho ông T1 vay số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 5%/tháng, đóng lãi hàng tháng, nếu khi nào ông T muốn lấy lại số tiền vốn thì phải thông báo cho ông T1 biết trước 2 tháng, hai bên có làm biên nhận giao cho bên ông T giữ làm tin. Tuy nhiên, sau khi vay ông T1 không thực hiện đúng theo thỏa thuận, ông T1 chỉ đóng lãi cho ông T được 2 tháng thì ngưng không đóng lãi cũng như trả vốn cho ông T, mặc dù ông T có đến gặp ông T1 đòi nợ nhiều lần nhưng ông T1 chỉ hứa hẹn mà không thanh toán được nên phía ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả lại số tiền vốn 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và tính lãi theo lãi suất quy định của nhà nước từ ngày 28/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 23/10/2022 dương lịch) đến ngày xét xử. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của ông T buộc ông T1 phải trả cho ông số tiền nợ gốc 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo lãi suất quy định của nhà nước từ 28/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 23/10/2022 dương lịch) cho đến ngày xét xử.

Đối với yêu cầu này, ông T1 thừa nhận có nợ ông T số tiền nợ vay nợ gốc là 180.000.000đ ông T1 trình bày sau khi vay ông có đóng lãi theo thỏa thuận cho ông T được 2 tháng là 18.000.000đ. Tại phiên tòa, ông T1 yêu cầu được khấu trừ lại số tiền đã đóng lãi cho ông T, còn số tiền còn nợ ông T1 đồng ý trả cho ông T số nợ gốc là 180.000.000đ và đồng ý tính lãi theo lãi suất quy định của nhà nước nhưng ông T1 trình bày hiện tại hoàn cảnh khó khăn nợ nhiều người nên không có khả năng trả một lần cho ông T nên xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) trả đến khi nào dứt nợ thì thôi và

xin ông T không tính lãi thêm nữa. Yêu cầu của ông T1 không được ông T chấp nhận. Riêng về số tiền lãi đã đóng, ông T và ông T1 đều thống nhất khấu trừ lại số tiền lãi ông T1 đã đóng cho ông T là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

HĐXX thấy rằng, ông T1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 463 BLDS và yêu cầu xin được trả nợ dần của ông cũng không được ông T đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và buộc ông T1 có trách nhiệm thanh toán số nợ vay này cho ông T là phù hợp.

Về lãi suất: Tính từ ngày 28/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 23/10/2022 dương lịch) là 15 tháng 14 ngày, lãi suất được tính như sau:

$180.000.000đ \times 10\%/năm$ (tương đương $0.83\%/tháng$) $\times 15$ tháng 14 ngày = 23.200.000đ.

Khấu trừ cho số tiền lãi đã đóng còn lại là: $23.200.000đ - 18.000.000đ = 5.200.000đ$

Tổng cộng gốc và lãi: $180.000.000đ + 5.200.000đ = \mathbf{185.200.000đ}$.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là $185.200.000đ \times 5\% = 9.260.000đ$ do ông có lỗi trong vụ kiện này.

Ông Lê Thanh T được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 4.500.000đ theo biên lai thu số 0000848 ngày 11/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T.

Buộc ông Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh T số tiền gốc và lãi tổng cộng là **185.200.000đ** (*Một trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Trong đó gồm: Nợ gốc 180.000.000đ, nợ lãi chậm thực hiện nghĩa vụ sau khi khấu trừ số tiền lãi đã đóng còn lại là 5.200.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 9.260.000đ (*Chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ông Lê Thanh T được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000848 ngày 11/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 06/02/2024.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhập